

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày : 09-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

2/ Ông Phùng Phi Loan

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên toà:** Ông Trần Văn Tý - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm **công khai** vụ án hình sự thụ lý số: 22/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Võ Đăng Kh, sinh ngày 01/01/1986 tại Đức H, Long An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Bùng Bình, xã Hòa Khánh T, huyện Đức H, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Ch (chết) và bà Phạm Thị Th; vợ: Nguyễn Huỳnh Anh Th (đã ly hôn năm 2012); từ năm 2019 bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Trương Thị Bích V; bị cáo có 04 người con: lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/8/2022 cho đến nay (*có mặt*).

- **Bị hại:** ông Bùi Băng H, sinh năm: 1980 (*có mặt*)

Nơi cư trú: số 55/4 đường T, phường A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1965 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp Xóm Than, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long An

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1955 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp Kênh Văn Phòng, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long An
 3/ Ông Ngô Văn Bé B, sinh năm: 1976 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi đăng ký HKTT: ấp Mỹ Điền, xã Phú Đ, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp

Nơi cư trú: ấp Kinh Hội, xã Trường Xuân, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp

4/ Bà Trương Thị Kim Th, sinh năm: 1981 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi đăng ký HKTT: ấp Phú Mỹ, xã Phú H, huyện An Ph, tỉnh An Giang

Nơi cư trú: ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

5/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

6/ Bà Lý Thị N, sinh năm: 1968 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

7/ Ông Nguyễn G M, sinh năm: 1983 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi cư trú: ấp 6B, xã Trường Xuân, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp

8/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm: 1984 (*có mặt*)

Nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An

9/ Bà Dương Thị O, sinh năm: 1986 (*vắng mặt không lý do*)

Nơi đăng ký HKTT: ấp G An, xã Hậu Thạnh Tây, huyện Tân T, tỉnh Long An

Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An

10/ Bà Trương Thị Bích V, sinh năm: 1982 (*vắng mặt không lý do*)

Nơi đăng ký HKTT: ấp Phú Mỹ, xã Phú H, huyện An Ph, tỉnh An Giang

Nơi cư trú: ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước T, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

11/ Ông Lê Nguyễn Đức P, sinh năm: 1984 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An

12/ Ông Nguyễn Tấn G, sinh năm: 1984 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi đăng ký HKTT: ấp Tân B, xã Long Bình Đ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Nơi cư trú: số 159 đường Lê Văn Tr, khu phố 1, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An

13/ Ông Nguyễn Kim Tr, sinh năm: 1979 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Nơi cư trú: số 183/33, Quốc lộ B, phường A, thành phố Tân An, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 3 năm 2022, Võ Đăng Kh làm nghề môi giới mua bán đất có đến quán nước Cây Xanh thuộc khu phố 4, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An của bà Dương Thị O để uống nước. Tại đây, Kh quen biết Nguyễn Thị Ngọc Q, Lê Nguyễn Đức P và Nguyễn Tấn G. Sau khi quen biết Q, P, G được một thời gian, Kh đưa ra thông tin về việc cần mua nhà đất và đất nông nghiệp có diện tích lớn nên nhờ Q, P, G tìm giúp. Qua tìm kiếm, giới thiệu của Q và P, Kh biết ông Nguyễn Văn C đang cần bán số lượng lớn đất nông nghiệp có diện tích trên 20 ha. Đến ngày 08/3/2022, được P giới thiệu, Kh đến nhà ông C ở ấp Xóm Than, xã Tân B, huyện Tân T, tỉnh Long An để xem đất. Sau khi xem đất, Kh hứa sẽ đặt tiền cọc cho ông C 03 tỷ đồng để mua đất của ông C và có nói lại với Tr, G, Q là Kh đã đặt tiền cọc 03 tỷ đồng cho ông C nhưng thực tế Kh chưa đặt tiền cọc. Cùng lúc này, ông Bùi Bằng H cũng có nhu cầu mua đất với số lượng lớn nên đã liên hệ với ông Nguyễn G Tr để tìm giúp người bán đất tại huyện Tân T. Thông qua mối quan hệ với Tr biết được ông Nguyễn Văn C đang cần bán đất nông nghiệp có diện tích lớn nên Tr liên hệ với H gặp G để đến mua đất của ông C. Khi H gặp G thì G có nói lại cho H thông tin Võ Đăng Kh đã đến xem đất tại nhà ông C. Sau đó, G giới thiệu cho H gặp Kh để hai bên tự thỏa Th việc H sẽ mua lại đất của ông C.

Khoảng 15 giờ ngày 09/3/2022, H, G và Kh đến nhà ông C để xem đất và cùng một số người khác tổ chức nhậu tại nhà ông C. Lúc đến nhà ông C, Kh dẫn H ra phía sau nhà ông C để xem đất và trực tiếp nói chuyện với H. Kh nói với H là đất này Kh đã mua rồi, nếu H có nhu cầu mua Kh sẽ bán lại cho H. Sau khi xem đất xong thì H ra về, Kh ở lại nhậu với ông C, P, Q và một số người khác. Trong lúc đang nhậu thì H điện thoại cho Kh nói đất có diện tích mặt tiền nhỏ nên H không mua. Đến ngày 19/3/2022, Kh nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối lập hợp đồng đặt cọc mua đất với H để chiếm đoạt tiền đặt cọc của H. Kh sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương gắn sim số 0939.705.138 điện thoại liên lạc với H đưa ra thông tin giả với nội dung “Kh đã mua thêm được 20 mét đất mặt tiền liền ranh với thửa đất của ông C. Kh đang giữ tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSD) 28 ha của 18 chủ sở hữu, trong đó 13 chủ sở hữu đã ủy quyền cho ông C đứng ra mua bán, còn 05 chủ sở hữu còn lại khi cần Kh sẽ liên hệ ra ký tên công chứng sang nhượng” mục đích làm cho H tin Oờng là thật để H đồng ý làm hợp đồng đặt cọc mua đất. Đến ngày 21/3/2022, Kh điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha loại Sirius màu sơn trắng đen biển số 67G1-339.61 đến quán nước Cây Xanh để gặp H, Tr, Q, G. Tại đây, Kh tiếp tục bằng thủ đoạn dùng lời lẽ gian dối lừa cho H tin việc Kh đã đặt cọc mua đất và giữ giấy CNQSD 28 ha đất như trên nên H tin lời Kh là thật và hẹn 03 ngày sau lập hợp đồng đặt cọc với số tiền 200.000.000 đồng để mua lại đất. Đến khoảng 10 giờ ngày 23/3/2022, Kh đi xe ôm đến quán nước Cây Xanh gặp H, Q, Tr để lập hợp đồng đặt tiền cọc. Lúc Q lập hợp đồng, Kh không đưa giấy tờ tùy tQ mà chỉ cung cấp thông tin giả về nhân thân của Kh, Kh đọc tên Võ Đăng Kh, số CMND: 301038589, năm sinh 1974 cho Q viết vào hợp đồng các nội dung như sau: bên bán (Bên A) ông: Võ Đăng Kh, sinh năm 1974, CMND số 301038589; về P sản đặt cọc trên hợp đồng “Bên A đồng ý bán

cho bên B nhà - đất tại thửa 557”, không ghi rõ thông tin cụ thể (tờ bản đồ, diện tích, loại đất, số giấy CNQSD đất); không ghi thời hạn đặt cọc thanh toán; không ghi thỏa thuận về thuế, về cam kết bồi thường. Sau khi ký hợp đồng, Kh trực tiếp nhận số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng từ H và hẹn H 03 ngày sau sẽ gặp để làm thủ tục chuyển nhượng nhưng sau đó Kh chiếm đoạt số tiền trên và bỏ trốn. Sau khi không liên lạc được với Kh nên ngày 12/4/2022, H làm đơn tố giác hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Võ Đăng Kh đến Công an huyện Tân T.

Sau khi chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng, Kh đã sử dụng vào mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau: trả nợ cho ông Ngô Văn Bé B 10.000.000 đồng, trả nợ cho bà Trương Thị Kim Th 20.000.000 đồng, trả nợ cho ông Nguyễn Văn H 10.000.000 đồng và cho H thêm 10.000.000 đồng, trả tiền cầm xe cho ông Nguyễn G M 10.000.000 đồng, trả nợ cho người đàn ông tên Bửu (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) 15.000.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q 5.000.000 đồng, cho bà Dương Thị O (Cám) 5.000.000 đồng, cho bà Trương Thị Bích V (chung sống với Kh như vợ chồng) 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại 95.000.000 đồng, Kh đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Qua điều tra Kh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số 855/KL-KTHS ngày 30/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An kết luận:

1. Chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị Ngọc Q” bằng bút bic màu xanh ở mục “Đại diện bên C” trên tờ “Hợp đồng đặt cọc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A) với chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị Ngọc Q” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai” trên tờ “Bản tự khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M1), ở trên phải mục “Hỏi và đáp” và ở mục “Người khai” trên tờ “Biên bản ghi lời khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M4) là do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký và chữ viết “Võ Đăng Kh” bằng bút bic màu xanh ở mục “Đại diện bên A” trên tờ “Hợp đồng đặt cọc” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A) với chữ ký và chữ viết “Võ Đăng Kh” bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” và ở mục “Bị can” trên tờ “Biên bản hỏi cung bị can” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M2), ở mục “Người tự khai” trên tờ “Bản tự khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M3) là do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSTT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T truy tố bị cáo Võ Đăng Kh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên toà sơ thẩm,

- Bị cáo Kh khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại gì đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

- Bị hại Bùi Bằng H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày như lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T. Về trách nhiệm dân sự, bà Q không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Đăng Kh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Đăng Kh từ 07 năm đến 08 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương có số Sê-ri 1: 356107162451572, gắn sim số: 0939.705.138.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Võ Đăng Kh hoàn trả cho bị hại Bùi Bằng H số tiền 170.000.000 đồng.

- Bị cáo không trình bày lời bào chữa, không phát biểu tranh luận.
- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phát biểu tranh luận.
- Trong lời nói sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi bị hại và những người liên quan. Bị cáo hứa sau khi thi hành án phạt tù, bị cáo đi làm có tiền sẽ khắc phục hậu quả cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các P liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Đăng Kh khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước tòa, thể hiện:

Khoảng tháng 3 năm 2022, sau khi quen và biết Bùi Bằng H đang có nhu cầu cần mua đất nông nghiệp với số lượng lớn nên Kh đã dẫn H đến xem đất phía sau nhà của ông Nguyễn Văn C. Sau khi xem đất, do diện tích đất mặt tiền nhỏ nên H không mua. Sau đó, Kh nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của H bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin giả với nội dung “Kh đã mua thêm được 20 mét đất mặt tiền liền ranh với phần đất của ông C và đang giữ tất cả các giấy CNQSD đất của 18 chủ sở hữu, trong đó 13 chủ sở hữu đã ủy quyền cho ông C đứng ra mua bán, còn 05 chủ sở hữu còn lại khi cần Kh sẽ liên hệ ra ký tên công chứng sang nhượng” làm cho H tin tưởng là thật để H đồng ý lập hợp đồng đặt cọc mua đất và chiếm đoạt tiền của H. Đến khoảng 10 giờ ngày 23/3/2022, tại quán nước Cây Xanh, Kh và H đã lập hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Sau khi ký hợp đồng đặt cọc, Kh nhận của H số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền đặt cọc, Kh đã bỏ trốn và chiếm đoạt số tiền trên. Vì vậy, hành vi của bị cáo Kh đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực nhận thức hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền 200.000.000 đồng, đây là tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T truy tố bị cáo Kh là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, làm giảm sút lòng tin của nhân dân khi tham gia vào các giao dịch dân sự. Vì vậy, đối với bị cáo cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; xuất thân từ thành phần nhân dân lao động (làm thuê); bị cáo có con còn nhỏ, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết được xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T tạm giữ:

- Tiền Việt Nam 30.000.000 đồng: trong đó Nguyễn G M giao nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Văn H giao nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ngọc Q giao nộp 5.000.000 đồng, Dương Thị O giao nộp 5.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền trên (30.000.000 đồng) cho bị hại Bùi Bằng H là phù hợp.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương có số Sê-ri 1: 356107162451572 gắn sim số 0939.705.138 của bị cáo Kh dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Hiện điện thoại di động trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

* Riêng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu sơn trắng - đen, biển số 67G1-339.61 là tài sản hợp pháp của Trương Thị Kim Th. Chị Th cho bị cáo Kh mượn xe mô tô để đi lại, chị Th không biết bị cáo Kh sử dụng xe mô tô trên để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T không xem xét xử lý đối với chị Th, không thu giữ xe mô tô là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Bùi Bằng H yêu cầu bị cáo Kh trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 200.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân T đã thu hồi và trả lại cho bị hại Bùi Bằng H số tiền 30.000.000 đồng (trong đó Nguyễn G M giao nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Văn H giao nộp 10.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ngọc Q giao nộp 5.000.000 đồng, Dương Thị O giao nộp 5.000.000 đồng). Anh H yêu cầu bị cáo Kh bồi thường tiếp số tiền còn lại là 170.000.000 đồng, hiện bị cáo Kh chưa bồi thường.

Xét thấy: trong số tiền 200.000.000 đồng bị cáo Kh chiếm đoạt của bị hại thì bị cáo đã sử dụng vào mục đích trả nợ, tặng cho và tiêu xài cá nhân. Cụ thể: trả nợ cho ông Ngô Văn Bé B 10.000.000 đồng, trả nợ cho bà Trương Thị Kim Th 20.000.000 đồng, trả nợ cho ông Nguyễn Văn H 10.000.000 đồng và cho H thêm 10.000.000 đồng, trả tiền cầm xe cho ông Nguyễn G M 10.000.000 đồng, trả nợ cho người đàn ông tên Bửu (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) 15.000.000 đồng, cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q 5.000.000 đồng, cho bà Dương Thị O (Cám) 5.000.000 đồng, cho bà Trương Thị Bích V 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại 95.000.000 đồng, Kh đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Xét thấy, việc bị cáo trả nợ và tặng cho tiền cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như: ông Ngô Văn Bé B, bà Trương Thị Kim Th, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn G M, người đàn ông tên Bửu, bà Nguyễn Thị Ngọc Q, bà Dương Thị O (Cám), bà Trương Thị Bích V thì đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này. Họ không biết nguồn gốc số tiền được bị cáo tặng cho và trả nợ, không biết số tiền trên do bị cáo Kh phạm tội mà có. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo Kh có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 170.000.000 đồng cho bị hại Bùi Bằng H. Trường hợp sau này giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan này có phát sinh tranh chấp về giao dịch dân sự thì sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

[8] Về người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

8.1 Đối với Nguyễn Thị Ngọc Q không biết rõ nhân thân lai lịch của bị cáo Kh. Q chỉ giới thiệu, môi giới mua bán đất và được Kh nhờ lập hợp đồng đặt cọc.

Q không biết Kh có hành vi lừa dối Bùi Bằng H để lập hợp đồng đặt cọc, chiếm đoạt tiền cọc của Bùi Bằng H. Kh có cho Q số tiền 5.000.000 đồng nhưng Q không biết số tiền đã nhận từ Kh là do phạm tội mà có nên hành vi của Nguyễn Thị Ngọc Q không đồng phạm với Võ Đăng Kh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

8.2 Đối với Nguyễn Tấn G, Lê Nguyễn Đức P, Nguyễn Kim Tr không biết rõ nhân thân của bị cáo Kh mà G, P, Tr chỉ giới thiệu, môi giới mua bán đất. G, P, Tr không biết Kh có hành vi lừa dối để lập hợp đồng đặt cọc, chiếm đoạt tiền cọc của Bùi Bằng H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý G, P, Tr là phù hợp.

8.3 Đối với Ngô Văn Bé B được Kh trả nợ 10.000.000 đồng, Trương Thị Kim Th được Kh trả nợ 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn H được Kh trả nợ 10.000.000 đồng và cho 10.000.000 đồng, Nguyễn G M được Kh trả nợ 10.000.000 đồng, Trương Thị Bích V được Kh cho 20.000.000 đồng, Dương Thị O (Cám) được Kh cho 5.000.000 đồng nhưng B, Th, H, M, V, O không biết số tiền trên do Kh phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có cơ sở. Riêng đối với đối tượng tên Bửu (không rõ nhân thân) được Kh trả nợ số tiền 15.000.000 đồng nhưng hiện không xác định được nhân thân, địa chỉ của đối tượng tên Bửu. Qua điều tra, Kh xác định khi Kh đưa số tiền trên cho Bửu, Kh không nói cho Bửu biết số tiền trên do Kh phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[9] Đối với việc bị cáo Kh có hành vi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu sơn trắng - đen, biển số 67G1-339.61 của chị Trương Thị Kim Th để sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau đó, vào khoảng tháng 3/2022, Kh mang xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ của ông Nguyễn G M tại ấp 6B, xã Trường Xuân, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp cầm xe mô tô của Th với số tiền 10.000.000 đồng. Trước khi cầm xe mô tô của Th, Kh có hỏi Th xin cầm đỡ vài ngày và được Th đồng ý cho cầm xe, Kh đã chuộc lại xe mô tô trên trả lại cho Th nên hành vi của Kh không có dấu hiệu phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[10] Về án phí: bị cáo Võ Đăng Kh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Đăng Kh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Đăng Kh 07 (B) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 02/8/2022).

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Đăng Kh 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh dương, có số sê-ri 1: 356107162451572, gắn sim số 0939.705.138.

Vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T, tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKSTT ngày 04/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân T.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589, Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Võ Đăng Kh hoàn trả cho bị hại Bùi Băng H số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm B mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, nếu chậm trả tiền thì người pH thi hành án còn pH trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Đăng Kh phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo Kh phải chịu 8.700.000 đồng án phí.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- VKSND, Công an huyện Tân T;
- THADS huyện Tân T;
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp;
- Lưu án văn, lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi

Hội thẩm nQ dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Nhuận - Phùng Phi Loan

Đặng Nguyễn Phương Chi